

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Sà Khol.
2. Bà Hà Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp về “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Kiều Băng N sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh L sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Kiều Băng N trình bày:

Vào năm 2016, chị và anh Huỳnh Thanh L tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới, anh, chị đã đăng ký kết hôn vào ngày 23/05/2018 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG. Sau khi kết hôn, anh chị về gia đình anh L sinh sống, thời gian đầu, vợ chồng sinh sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến đầu năm 2019 anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh L đã nhiều lần đánh vợ, con, ăn chơi không chăm lo cho gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn gia đình nhưng anh L không sửa

đổi. Quá trình chung sống anh, chị có một người con tên là Huỳnh Phú T, sinh ngày 03/4/2018, con hiện đang ở với anh L. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Thanh L. Về con chung: Chị đồng ý giao cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngọc có đơn xin giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng ngày 10/6/2022.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2022, bị đơn là anh Huỳnh Thanh L trình bày:

Anh và vợ là Đặng Kiều Băng N kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói trong hôn nhân, vì thương vợ nên anh cũng có tính ghen tuông. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung của anh, chị là Huỳnh Phú T sinh ngày 03/4/2018. Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đặng Kiều Băng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Huỳnh Thanh L và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh L với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị N, anh L kết hôn vào năm 2016 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị N, anh L đều xác định vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống không thể hòa thuận. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu từ đầu năm 2021. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị N. Vì vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh chị có một đứa con chung tên là Huỳnh Phú T sinh ngày 03/4/2018, cháu T đang ở chung với anh L. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh L hiện nay cháu T đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị N cũng đồng ý giao cháu T cho anh L nuôi dưỡng. Đối chiếu với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi con của anh L là có căn cứ nên được chấp nhận. Giao cháu T cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản: Không có.

Về nợ: Chị N, anh L xác định anh, chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, anh chị có phát sinh tranh chấp nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Kiều Băng N được ly hôn với anh Huỳnh Thanh L.

2. Về nuôi con:

Giao cháu Huỳnh Phú T sinh ngày 03/4/2018 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007976 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Cẩm Tú